

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2026/DS-PT

Ngày: 31/3/2026

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Phương Thanh

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Bùi Trung Nam-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2025/DS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 252/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: 1. **Ngân hàng Thương mại cổ phần V**. Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ Phó giám đốc Trung Tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý. Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho: Ông Vuur Chí T1, sinh năm 1994. Cùng địa chỉ: Tầng A, số E T, phường C, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

2. Công ty Cổ phần M. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội (nay là phường Y, Thành phố Hà Nội). *Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vuur Chí T1 (Có mặt). Cùng địa chỉ: Tầng A, số E T, phường C, thành phố Cần Thơ.*

*** Bị đơn:**

1. Ông **Lê Văn D1**, sinh năm 1958; Địa chỉ: A đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ). Địa chỉ liên hệ: 132/42/39/53 L, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ) (Có mặt).

2. Bà **Trần Ngọc T2**, sinh năm 1975. Địa chỉ: A đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ) (Vắng mặt).

*** Người kháng cáo:** Bị đơn ông Lê Văn D1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP VI trình bày:**

Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh C (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với bà Trần Ngọc T2 và ông Lê Văn D1 các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số LN2206085946159 ngày 29/6/2022. Số tiền cho vay: 6.600.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 120 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay bù đắp tiền mua bất động sản. Lãi suất thỏa thuận. Hình thức giải ngân chuyển khoản vào tài khoản bên vay.

2. Hợp đồng tín dụng số LN2206045918956 ngày 29/6/2022. Số tiền cho vay: 1.500.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 120 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Lãi suất thỏa thuận. Hình thức giải ngân chuyển khoản vào tài khoản bên vay.

3. Hợp đồng tín dụng số LN2206155995914 ngày 29/6/2022. Số tiền cho vay: 2.400.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 120 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay hoàn vốn mua bất động sản. Lãi suất thỏa thuận. Hình thức giải ngân chuyển khoản vào tài khoản bên vay.

4. Hợp đồng tín dụng số LN2308290135060 ngày 08/09/2023. Số tiền cho vay: 2.400.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 120 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Lãi suất thỏa thuận. Hình thức giải ngân: nhận tiền mặt.

5. Hợp đồng tín dụng số LN2406172943595 ngày 28/06/2024. Số tiền cho vay: 1.490.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 111 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Lãi suất thỏa thuận. Hình thức giải ngân: nhận tiền mặt.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, Ngân hàng ký kết với bà Trần Ngọc T2 và ông Lê Văn D1 Hợp đồng thế chấp số LN2206045918956, LN2206155995914, LN2206085946159/CTO ngày 29/6/2022 (Một tài sản đảm bảo cho nhiều nghĩa vụ), tài sản bảo đảm là: toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 7, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: đường C, Phường X, Quận N, TP Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 845838, sổ vào sổ cấp GCN CS 04290 do Sở T3 cấp ngày 21/12/2021. Do bà T2, ông D1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng đã khởi kiện.

Ngày 28/02/2025, Ngân hàng đồng ý bán và Công ty Cổ phần M (gọi tắt Công ty M) đồng ý mua khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng với bà T2 và ông D1 theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2025/VPB-JUPITER như sau: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo các đồng tín dụng: số LN2206085946159 ngày 29/6/2022; số LN2206155995914 ngày 29/6/2022; số LN2206045918956 ngày 29/6/2022; số LN2308290135060 ngày 08/9/2023, số LN2406172943595 ngày 28/6/2024.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng tín dụng và các biện pháp bảo đảm kèm theo tương ứng với phần khoản nợ bán cho Công ty M. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M.

Đại diện và Công ty M đã nhiều lần liên hệ trực tiếp, yêu cầu thanh toán nợ nhưng Bà T2 và ông D1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tạm tính đến ngày 29/8/2025, bà T2 và ông D1 còn nợ Ngân hàng và Công ty M tổng số tiền là: 14.733.710.050 đồng, trong đó nợ gốc: 12.655.678.576 đồng, nợ lãi: 2.078.031.474 đồng. Ngân hàng yêu cầu:

1. Buộc bà Trần Ngọc T2 và ông Lê Văn D1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/8/2025 là: 1.473.371.005 đồng, Nợ gốc: 1.265.567.858 đồng, Nợ lãi: 207.803.147 đồng.

2. Ngoài ra, kể từ ngày 30/8/2025 trở đi bà T2 và ông D1 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn, lãi phát sinh (theo tỷ lệ chuyển giao giữa Ngân hàng và Công ty M như trình bày nêu trên) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

3. Trường hợp bà T2 và ông D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì Ngân hàng hoặc Công ty M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Đại diện Công ty Cổ phần M trình bày như đại diện Ngân hàng đã trình bày và yêu cầu:* Bà T2, ông D1 thanh toán 90% khoản nợ phát sinh đối với các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà T2, ông D1.

** Bị đơn ông Lê Văn D1 trình bày:* Ông có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Tuy nhiên, số tiền bao nhiêu, nhận tiền và sử dụng tiền như thế nào thì ông hoàn toàn không biết mà do bà T2 trực tiếp thực hiện, ông chỉ ký theo yêu cầu của bà T2 do tin tưởng bà T2. Đến tháng 7/2024, bà T2 đã đi khỏi địa phương nhưng vẫn thể hiện có giao dịch với Ngân hàng và thanh toán tiền nợ gốc lãi đến tháng 10/2024. Theo ông được biết thì 02 khoản vay tháng 09/2023 và tháng 06/2024 tổng số tiền là 3.890.000.000 đồng thì ngân hàng giữ lại để trả nợ các khoản vay. Do đó, ông đề nghị Tòa án, Ngân hàng làm rõ các nội dung để đảm bảo rõ ràng, minh bạch.

** Bị đơn bà Trần Ngọc T2:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến hay văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do các đương sự không thống nhất với nhau để giải quyết toàn bộ vụ kiện nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2025/DS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc bà Trần Ngọc T2 và ông Lê Văn D1 trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty CP M tổng số tiền 14.733.710.050 đồng (*Mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi ba triệu bảy trăm mười nghìn không trăm năm mươi đồng*), bao gồm nợ gốc: 12.655.678.576 đồng, nợ lãi: 2.078.031.474 đồng, Trong đó:

Trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 1.473.371.005 đồng (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu ba trăm bảy mươi một nghìn không trăm linh năm đồng*), bao gồm nợ gốc là 1.265.567.858 đồng, nợ lãi là 207.803.147 đồng;

Trả cho Công ty Cổ phần M số tiền 13.260.339.045 đồng (*Mười ba tỷ hai trăm sáu mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng*), bao gồm nợ gốc là 11.390.110.718 đồng, nợ lãi là 1.870.228.327 đồng.

1.2. Kể từ ngày 30/8/2025 trở đi bà Trần Ngọc T2 và ông Lê Văn D1 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn, lãi phát sinh (theo tỷ lệ chuyển giao giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

1.3. Trường hợp bà Trần Ngọc T2 và ông Lê Văn D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V và/hoặc Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là:

Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 7, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: đường C, phường X, quận N, TP . (Nay là phường N, TP .) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 845838, số vào sổ cấp GCN CS04290 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố T3 cấp cho ông Lê Văn D1 và bà Trần Ngọc T2 ngày 21/12/2021.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2025, ông Lê Văn D1 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ, cụ thể: Yêu cầu sao kê tài khoản thanh toán liên quan đến khoản vay của bà Trần Ngọc T2 từ lần đầu đến lần cuối tại quầy và yêu cầu làm rõ khoản vay vào tháng 9/2023 và tháng 6/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

* Ông Lê Văn D1: Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và cho rằng quá trình vay của ông và bà T2 ông có ký tên nhưng 02 lần vay sau cùng của tháng 9/2023 và tháng 6/2024 ông có ký tên nhưng ngân hàng không có giải ngân và vì vậy ông yêu cầu sao kê tài khoản thanh toán liên quan đến khoản vay của bà T2 và yêu cầu làm rõ khoản vay này để xác định có việc Ngân hàng chuyển khoản cho bà T2 hay không.

* Đại diện Ngân hàng cho rằng: Ngân hàng đã cung cấp các hồ sơ liên quan đến hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp và ông D1 đều thừa nhận chữ ký. Ngân hàng cũng đã nộp các bản sao kê chi tiết quá trình trả nợ của bà T2 tại Ngân hàng nên việc ông D1 kháng cáo là không có cơ sở. Đề nghị giữ Y bản án sơ thẩm đã tuyên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về nội dung hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp Ngân hàng đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Ông D1 kháng cáo nhưng không đưa ra được thêm chứng cứ nào thêm mới, việc yêu cầu của ông Dương sao K các khoản thanh toán liên quan đến khoản vay cũng không chứng minh được việc trả nợ, vì vậy không có cơ sở để xem xét kháng cáo.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn D1 áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ Y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ tại phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ) nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Tòa án sau sáp nhập là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ), theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

[1.2] Bị đơn bà Trần Ngọc T2 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, nên cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T2.

[1.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn D1 có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung, xét kháng cáo của ông Lê Văn D1 thấy rằng:

[2.1] Giữa nguyên đơn Ngân hàng và ông Lê Văn D1, bà Trần Ngọc T2 có xác lập các hợp đồng tín dụng, Sau đó các bên tiếp tục ký phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay, theo đó thoả thuận về điều khoản lãi suất trong trường hợp bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thì phải chịu mức lãi suất là 13,5%/năm. Hai bên đều thừa nhận đã xác lập ký tên các hợp đồng này nên không đặt ra xem xét lại.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng xác định số tiền vay đã được giải ngân bằng hình thức chuyển khoản đối với hợp đồng LN2206085946159, LN2206045918956, LN2206155995914 cùng ngày 29/6/2022; hợp đồng số LN2308290135060 ngày 08/09/2023 và số LN2406172943595 ngày 28/06/2024 thì bà T2 nhận tiền mặt.

[2.3] Ông D1 cho rằng bà T2 không có nhận tiền từ ngân hàng, nên ông muốn sao kê các dòng tiền ra vào tài khoản của bà T2 chứng minh bà T2 không có nhận tiền vay từ ngân hàng, chứng tỏ bà T2 ký vay là để đảo hạn chứ không phải là khoản vay mới. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án ông D1 cho rằng do tin tưởng bà T2 nên ông mới ký tên vào hợp đồng vay, tất cả các khoản vay là do bà T2 tự làm.

Xét thấy các hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng với ông Lê Văn D2 và bà Trần Ngọc T2 được giao kết trên cơ sở tự nguyện; quá trình vay ông D1 đều thống nhất ký tên vào hợp đồng vay, ký tên vào phụ lục hợp đồng và ký tên vào hợp đồng thế chấp. Các hợp đồng tín dụng nêu trên cũng phù hợp với các khế ước nhận nợ của ông D1 và bà T2 đối với Ngân hàng. Do đó không có cơ sở cho rằng việc ông D1 ký tên vào hợp đồng là trái với ý muốn của ông D1 hoặc các khoản vay trên là không có trên thực tế.

[2.4] Xét về nghĩa vụ chứng minh thì ông D1 là người phải có nghĩa vụ chứng minh trong vụ án. Việc ông D1 yêu cầu sao kê các dòng tiền ra vào tài khoản của

bà T2, Toà án cũng đã làm công văn đề nghị Ngân hàng thực hiện cung cấp chứng cứ nhưng phía Ngân hàng không cung cấp thêm.

[2.5] Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng xác định đã cung cấp đầy đủ các bảng sao kê tổng hợp dư nợ của bà T2 trong đó đã diễn giải số tiền bà T2 đã nhận, số tiền trả lãi trong suốt quá trình vay nợ nên việc ông D1 cho rằng sau khi ký hợp đồng tín dụng Ngân hàng không thực hiện giải ngân là không có căn cứ nên kháng cáo của ông D1 cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Với những căn cứ như đã phân tích nêu trên, việc ông D1 là người kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới chứng minh cho kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp do ông Lê Văn D1 là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn D1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 08/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc bà Trần Ngọc T2 và ông Lê Văn D1 trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M tổng số tiền 14.733.710.050 đồng (*Mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi ba triệu bảy trăm mười nghìn không trăm năm mươi đồng*), bao gồm nợ gốc: 12.655.678.576 đồng (*mười hai tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng*), nợ lãi: 2.078.031.474 đồng (*hai tỷ không trăm bảy mươi tám triệu không trăm ba mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng*), Trong đó:

Trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 1.473.371.005 đồng (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu ba trăm bảy mươi một nghìn không trăm linh năm đồng*), bao gồm nợ gốc là 1.265.567.858 đồng (*hai tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi tám đồng*), nợ lãi là 207.803.147 đồng (*hai trăm lẻ bảy triệu tám trăm lẻ ba nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng*);

Trả cho Công ty Cổ phần M số tiền 13.260.339.045 đồng (*Mười ba tỷ hai trăm sáu mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng*), bao gồm nợ gốc là 11.390.110.718 đồng (*mười hai tỷ ba trăm chín mươi triệu một trăm mười nghìn bảy trăm mười tám đồng*), nợ lãi là 1.870.228.327 đồng (*một tỷ tám trăm bảy mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng*).

1.2. Kể từ ngày 30/8/2025 trở đi bà Trần Ngọc T2 và ông Lê Văn D1 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn, lãi phát sinh (theo tỷ lệ chuyển giao giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

1.3. Trường hợp bà Trần Ngọc T2 và ông Lê Văn D3 thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V và / hoặc Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 7, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: đường C, phường X, quận N, TP . (Nay là phường N, TP .) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 845838, số vào sổ cấp GCN CS04290 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố T3 cấp cho ông Lê Văn D1 và bà Trần Ngọc T2 ngày 21/12/2021.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trần Ngọc T2 và ông Lê Văn D1 có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần M 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Lê Văn D1. Bà Trần Ngọc T2 phải chịu 61.367.000 đồng (*Sáu mươi một triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) - đã làm tròn số. H lại cho Ngân hàng TMCP V 60.458.000đồng (*Sáu mươi triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005575 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp do ông Lê Văn D1 là người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2026).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 1 - Cần Thơ;
- THA DS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Lê Thị Minh Trang

